Học kỳ/Năm : **Thứ, ca:** **Trường ĐH CNTT**

Môn học : Thiết kế mạng **Lớp:** CE115.D11 **Phòng Đào tạo ĐH&SĐH**

Giảng viên: **Mã GV:** **Phòng:** **BẢNG ĐIỂM MỀM**

Lưu ý: Phải giữ đúng thứ tự tên sinh viên như đã liệt kê trong bảng danh sách bên dưới.

Điểm từ 0 đến 10 với 1 số lẻ. Nếu SV vắng không phép hay bị cấm thi ghi F, vắng có phép ghi I,Được bảo lưu điểm: X.

Tỉ lệ điểm thành phần trong điểm môn học: % % %

TT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trung bình bài tập	Điểm thi giữa kỳ	Điểm thi cuối kỳ	Điểm học phần	Ghi chú
1	07520089	Nguyễn Thành Đồng	4				
2	07520454	Trần Triệu Hoàng Anh	10				
3	07520564	Nguyễn Thị Lệ My	F				
4	08520066	Phạm Thế Duy	10				
5	08520091	Nguyễn Phượng Đôn	10				
6	08520095	Nguyễn Thành Đức	10				
7	08520162	Cao Gia Hưng	8				
8	08520185	Lê Ngọc Cao Kim	F				
9	08520189	Phạm Phú Lâm	F				
10	08520245	Mai Phương Nam	10				
11	08520255	Dương Đức Ngọc	10				
12	08520269	Thái Minh Nhật	10				
13	08520275	Nguyễn Văn Oanh	10				
14	08520284	Nguyễn Đức Phú	10				
15	08520291	Bùi Hạnh Phúc	F				
16	08520303	Lương Xuân Quang	F				
17	08520331	Bùi Minh Tân	10				
18	08520452	Nguyễn Hữu Tú	10				
19	08520462	Huỳnh Ngô Văn	8				
20	08520553	Đỗ Đức Khải	F				
21	08520614	Huỳnh Trúc Viên	10				
22	09520002	Phan Tuấn Anh	10				
23	09520016	Bạch Đình Cao	F				
24	09520031	Phạm Quốc Cường	10				
25	09520034	Đặng Nguyên Duy	10				
26	09520036	Phan Duy	10				
27	09520037	Phạm Tuấn Duy	10				
28	09520038	Phan Văn Dũng	10				
29	09520093	Võ Trọng Hoài	10				
30	09520094	Bùi Đức Hoàn	10				
31	09520110	Phạm Huỳnh Đức Huy	10				
32	09520115	Vũ Văn Hùng	10				
33	09520119	Bùi Thanh Hùng	10				
34	09520122	Lê Quốc Hưng	10				
35	09520123	Trần Nguyên Hướng	10				
36	09520128	Đinh Thuận Khánh	10				
37	09520142	Trương Hoàng Kệt	10				
38	09520195	Phạm Đức Nguyên	10				
39	09520206	Hồ Thanh Phong	10				
40	09520226	Trần Văn Quang	10				

TT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trung bình bài tập	Điểm thi giữa kỳ	Điểm thi cuối kỳ	Điểm học phần	Ghi chú
41	09520228	Đoàn Hữu Quang	10				
42	09520234	Phan Thiên Quốc	10				
43	09520242	Ngô Tấn Quý	6				
44	09520243	Nguyễn Hùng Quý	F				
45	09520245	Hồ Minh Sang	8				
46	09520252	Phạm Xuân Sơn	7				
47	09520256	Hoàng Vinh Sử	10				
48	09520277	Nguyễn Long Thành	10				
49	09520293	Phạm Bá Thuận	6				
50	09520294	Nguyễn Ngọc Thuận	10				
51	09520313	Trịnh Tiến Toàn	10				
52	09520316	Nguyễn Xuân Triễn	10				
53	09520322	Trần Quốc Trung	10				
54	09520328	Phạm Công Trứ	8				
55	09520341	Nguyễn Ngọc Nguyên Tùng	7				
56	09520343	Bùi Văn Tùng	8				
57	09520347	Đồng Nam Tước	8				
58	09520349	Nguyễn Xuân Tự	7				
59	09520361	Âu Tuấn Vũ	7				
60	09520362	Nguyễn Quốc Vương	10				
61	09520368	Lâm Trung Hậu	8				
62	09520389	Nguyễn Minh Trí	8				
63	09520399	Nguyễn Anh Chuẩn	10				
64	09520401	Đào Xuân Dạng	7				
65	09520410	Nguyễn Hoàng Hiệp	7				
66	09520476	Bùi Võ Quang Công	10				
67	09520488	Trần Văn Dương	10				
68	09520501	Nguyễn Anh Đức	7				
69	09520507	Lê Ngọc Hải	10				
70	09520521	Huỳnh Thái Hoàng	8				
71	09520524	Dương Đình Hóa	6				
72	09520526	Nguyễn Văn Huân	8				
73	09520527	Phùng Huấn	8				
74	09520537	Đinh Trọng Kết	8				
75	09520538	Phạm Mạnh Khang	10				
76	09520554	Lê Thăng Long	7				
77	09520564	Dương Ngọc Minh	8				
78	09520568	Nguyễn Đàm Duy Nam	10				
79	09520577	Phạm Hồng Ngân	10				
80	09520580	Nguyễn Hữu Nghĩa	8				
81	09520589	Hoàng Tứ Nhã	10				
82	09520592	Lê Huy Nhuận	10				
83	09520603	Nguyễn Tấn Phong	8				
84	09520609	Liên Hữu Phước	7				
85	09520624	Phan Duy Quí	F				
86	09520631	Bùi Long Kỳ Sơn	10				

TT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trung bình bài tập	Điểm thi giữa kỳ	Điểm thi cuối kỳ	Điểm học phần	Ghi chú
87	09520632	Bùi Thanh Sơn	10				
88	09520635	Trần Hồng Tâm	8				
89	09520638	Lê Văn Tân	10				
90	09520643	Nguyễn Tấn Tài	8				
91	09520648	Lư Văn Thành	10				
92	09520649	Nguyễn Hải Thành	10				
93	09520651	Nguyễn Minh Thành	10				
94	09520659	Đậu Đình Thắng	10				
95	09520682	Trần Tân Tiến	8				
96	09520686	Nguyễn Bảo Toàn	10				
97	09520704	Hồ Minh Tuấn	8				
98	09520705	Huỳnh Minh Tuấn	7				
99	09520711	Trương Văn Tuấn	8				
100	09520713	Nguyễn Kim Tùng	8				
101	09520715	Trần Văn Tùng	10				
102	09520727	Nguyễn Hoàng Vũ	8				
103	09520740	Lê Công Bằng	7				
104	09520742	Đàm Duy Dũng	8				
105	09520744	Nguyễn Lê Minh	8				
106	09520746	Nguyễn Văn Sơn	10				
107	11520008	Cao Việt Anh	F				

Tổng kết:

Số SV của Lớp: ……..

Số sinh viên đạt:

Xuất sắc [9,0; 10] : …….

Giỏi [8,0; 9,0) : …….

Khá [7,0; 8,0) : …….

TB Khá [6,0; 7,0) : …….

Trung bình [5,0; 6,0) : …….

Yếu [4,0; 5,0) : …….

Rất yếu [3,0; 4,0) : …….

Kém [0,0; 3,0) : …….

TP HCM ngày tháng năm 20

Giảng viên phụ trách môn học *(ký tên)*

Trưởng Khoa, Bộ môn: *(ký và ghi rõ họ tên)*